CHÍNH PHỦ -------	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------
Số: 296/2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 168/2025/NĐ-CP NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2022/QH15, Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp tự kê khai hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo. Chủ sở hữu, cổ đông, thành viên của công ty thực hiện đầy đủ quy định về tài sản góp vốn tại khoản 2 Điều 34 Luật Doanh nghiệp, không đứng tên thay người khác để góp vốn vào doanh nghiệp.".

2. Bổ sung khoản 7 và khoản 8 vào sau khoản 6 như sau:

"7. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh khai thác, sử dụng thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác và không yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp

của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật và các giấy tờ khác trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp quy định tại Luật Doanh nghiệp và Nghị định này.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung bản sao các giấy tờ nêu trên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Nghị định này để giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp. Cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Việc khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trên cơ sở kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và các cơ sở dữ liệu khác thực hiện theo thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

8. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, bản sao hoặc bản chính nghị quyết hoặc quyết định của chủ sở hữu công ty, văn bản cử người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu là tổ chức trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Nghị định này được thay thế bằng văn bản của tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 12

“5. Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền. Người ủy quyền và người được ủy quyền phải xác thực điện tử để được cấp đăng ký doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật, chủ sở hữu, thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn, thông tin cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài của công ty cổ phần không phải là công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng khoán, chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh.

Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người ủy quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh yêu cầu doanh nghiệp báo cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Nghị định này.

Trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải kèm theo bản sao thẻ căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người ủy quyền.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 17

“Điều 17. Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp

Chủ sở hữu hưởng lợi của một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân là một hoặc nhiều cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu hoặc kiểm soát cuối cùng trên thực tế đối với doanh nghiệp đó, không bao gồm cá nhân đại diện cho vốn nhà nước trong doanh nghiệp (sau đây gọi là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp). Chủ sở hữu hưởng lợi là một hoặc nhiều cá nhân được xác định như sau:

1. Cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc vừa trực tiếp và gián tiếp sở hữu từ 25% vốn điều lệ hoặc từ 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của doanh nghiệp.

Chủ sở hữu gián tiếp là cá nhân sở hữu từ 25% trở lên vốn điều lệ hoặc từ 25% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của doanh nghiệp thông qua các tổ chức hoặc các thỏa thuận pháp lý khác.

Trường hợp nhóm cá nhân có mối quan hệ gia đình theo quy định tại khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp hoặc hợp đồng cùng nhau sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc vừa trực tiếp và gián tiếp từ 25% trở lên vốn điều lệ hoặc từ 25% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của doanh nghiệp, doanh nghiệp xác định các cá nhân trong nhóm này là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp.

Đối với công ty hợp danh, tất cả thành viên hợp danh là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp không phụ thuộc vào tỷ lệ góp vốn điều lệ hay quyền biểu quyết của họ tại doanh nghiệp.

2. Trường hợp cá nhân không đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này, hoặc có căn cứ cho thấy cá nhân được xác định theo tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này không phải là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, doanh nghiệp xác định chủ sở hữu hưởng lợi thông qua các phương thức khác theo pháp luật hoặc trên thực tế. Việc kiểm soát được thông qua một hoặc nhiều các quyền sau: Quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hoặc chủ tịch hội đồng quản trị, đa số hoặc tất cả thành viên hoặc chủ tịch hội đồng thành viên, Giám đốc, Tổng giám đốc; sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp; thay đổi cơ cấu tổ chức; quyết định chính sách tài chính, đầu tư và hoạt động của doanh nghiệp; tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp.

3. Trong trường hợp không có cá nhân đáp ứng tiêu chí tại khoản 1,2 Điều này, doanh nghiệp xác định một cá nhân là người quản lý doanh nghiệp có quyền hạn lớn nhất để hành động thay mặt cho doanh nghiệp, trừ trường hợp cá nhân đại diện vốn nhà nước trong doanh nghiệp.”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 18

“Điều 18. Kê khai, thông báo thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp

1. Người thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp có trách nhiệm xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp theo quy định tại Điều 17 Nghị định này và kê khai, thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp.

Người thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp có trách nhiệm xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp thông qua việc rà soát từng cấp trong cơ cấu sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi

xác định được cá nhân có quyền sở hữu hoặc quyền kiểm soát cuối cùng trên thực tế. Trường hợp trong cơ cấu sở hữu có thỏa thuận pháp lý theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền thì chủ sở hữu hưởng lợi của thỏa thuận pháp lý được xác định theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

2. Việc kê khai thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi được thực hiện theo thứ tự sau:

a) Người thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp kê khai, thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh thông tin của cá nhân đáp ứng tiêu chí về quyền sở hữu quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này;

b) Trường hợp cá nhân không đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 17, hoặc có căn cứ cho thấy cá nhân được xác định theo tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 17 không phải là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, người thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp kê khai, thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh thông tin của một hoặc nhiều cá nhân đáp ứng tiêu chí về quyền thực tế chi phối quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này;

c) Trường hợp không có cá nhân đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 1, 2 Điều 17 thì người thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp kê khai, thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh thông tin của cá nhân được quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định này.”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 20

“2. Ở cấp xã:

a) Trường hợp đơn vị hành chính cấp xã thành lập phòng chuyên môn thì cơ quan đăng ký kinh doanh giải quyết thủ tục đăng ký hộ kinh doanh là phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có chức năng, nhiệm vụ đăng ký hộ kinh doanh theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

b) Trường hợp đơn vị hành chính cấp xã không thành lập phòng chuyên môn thì cơ quan đăng ký kinh doanh giải quyết thủ tục đăng ký hộ kinh doanh là Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Cơ quan đăng ký kinh doanh giải quyết thủ tục đăng ký hộ kinh doanh quy định tại điểm a và điểm b khoản này (sau đây gọi là Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) có tài khoản và con dấu.”.

Điều 6. Bổ sung khoản 8a vào sau khoản 8 Điều 21

“8a. Cập nhật, lưu trữ thông tin về cổ đông của công ty cổ phần không phải là công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng khoán trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 06 năm kể từ ngày công ty giải thể theo quy định tại Nghị định này.”.

Điều 7. Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 Điều 24

“6. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thành lập doanh nghiệp trước khi thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư thì hồ sơ đăng

ký doanh nghiệp không bao gồm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quy định tại khoản 5 Điều 20, điểm c khoản 4 Điều 21 và điểm c khoản 4 Điều 22 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp bao gồm nội dung cam kết đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.".

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 38

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Nghị định này được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử theo quy định pháp luật. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy.".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

"a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử có đầy đủ thông tin theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy;".

3. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:

"d) Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định này và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử quy định tại điểm a khoản này.".

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Điều 39

"Điều 39. Trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử

1. Người nộp hồ sơ đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia bằng tài khoản định danh điện tử để truy cập Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Người nộp hồ sơ thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

a) Trường hợp người nộp hồ sơ là người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và chỉ yêu cầu người nộp hồ sơ ký thì người nộp hồ sơ không phải thực hiện ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định và không phải tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Đối với các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định,

được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp yêu cầu nhiều người ký và giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử;

b) Trường hợp người nộp hồ sơ là người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin và tải các giấy tờ trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định lên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Các giấy tờ này phải được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh và Cơ quan thuế.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và trả kết quả giải quyết hồ sơ cho doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Nghị định này. Người nộp hồ sơ đăng nhập vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

4. Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp thực hiện thủ tục đăng ký qua mạng thông tin điện tử có thể dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định này.”.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 51

“c) Bản sao hoặc bản chính hợp đồng chuyển nhượng cổ phần hoặc giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng cổ phần; giấy tờ chứng minh việc góp vốn trong trường hợp cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần chào bán riêng lẻ; hợp đồng tặng cho cổ phần trong trường hợp tặng cho cổ phần;”.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 60

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Trường hợp doanh nghiệp, chi nhánh, địa điểm kinh doanh tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, văn phòng đại diện tạm ngừng hoạt động hoặc tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo, doanh nghiệp gửi hồ sơ thông báo đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đặt trụ sở chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động hoặc tiếp tục kinh doanh, tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo. Trường hợp doanh nghiệp, chi nhánh, địa điểm kinh doanh có nhu cầu tiếp tục tạm ngừng kinh doanh, văn phòng đại diện có nhu cầu tiếp tục tạm ngừng hoạt động sau khi hết thời hạn đã thông báo thì phải gửi hồ sơ thông báo tạm ngừng đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tiếp tục tạm ngừng. Thời hạn tạm ngừng của mỗi lần thông báo không được quá 12 tháng. Tổng thời gian tạm ngừng kinh doanh liên tiếp không được quá 24 tháng.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động, trong đó bao gồm thông tin về số điện thoại và địa chỉ thư điện tử của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;”.

3. Bổ sung khoản 7 và khoản 8 vào sau khoản 6 như sau:

“7. Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, khi có thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điều 30 và Điều 31 Luật Doanh nghiệp năm 2020 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Nghị định này, doanh nghiệp phải đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

8. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã thông báo, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải xác nhận việc tiếp tục kinh doanh trở lại và cam kết đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Trường hợp không xác nhận trong thời hạn nêu trên, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn yêu cầu xác nhận nêu trên, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi văn bản yêu cầu doanh nghiệp báo cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 216 Luật Doanh nghiệp đồng thời gửi Cơ quan quản lý thuế để phối hợp quản lý nhà nước.

Trường hợp doanh nghiệp không gửi báo cáo đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 69 Nghị định này. Doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục giải thể theo quy định tại Điều 65 Nghị định này.”.

Điều 12. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 61

“3. Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, khi có thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp quy định tại Điều 30 và Điều 31 Luật Doanh nghiệp năm 2020 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Nghị định này, doanh nghiệp phải đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định.”.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 64

"3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp, doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 210 Luật Doanh nghiệp. Đối với công ty cổ phần không phải là công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng khoán, thông báo về việc giải thể doanh nghiệp trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải kèm theo bản sao sổ đăng ký cổ đông.".

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung Điều 72

"Điều 72. Quy trình chuyển tình trạng pháp lý, đình chỉ thủ tục phá sản, hủy quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản

1. Việc chuyển tình trạng pháp lý sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản, quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản của Tòa án

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định mở thủ tục phá sản của Tòa án, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp sang tình trạng đang làm thủ tục phá sản, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định, trích lục quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản của Tòa án, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp sang tình trạng đã phá sản, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định không mở thủ tục phá sản của Tòa án, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh lưu giữ thông tin tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định đình chỉ thủ tục phá sản của Tòa án, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng pháp lý trước thời điểm có quyết định mở thủ tục phá sản trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết đề nghị xem xét lại, kiến nghị quyết định đình chỉ thủ tục phá sản của Tòa án, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh lưu giữ thông tin tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp Tòa án giữ nguyên quyết định đình chỉ thủ tục phá sản hoặc chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp sang tình trạng đang làm thủ tục phá sản, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ

liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp Tòa án hủy quyết định đình chỉ thủ tục phá sản và giao cho Thẩm phán tiến hành giải quyết thủ tục phá sản.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định hủy quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân cấp dưới có thẩm quyền giải quyết lại của Tòa án, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp sang tình trạng đang làm thủ tục phá sản, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

5. Thông tin về việc doanh nghiệp đang làm thủ tục phá sản hoặc đã phá sản và chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động hoặc đã chấm dứt hoạt động được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để cập nhật.”.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 93

“5. Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền. Người ủy quyền và người được ủy quyền phải thực hiện xác thực điện tử để được cấp đăng ký hộ kinh doanh khi thực hiện thủ tục đăng ký thành lập hộ kinh doanh, đăng ký thay đổi chủ hộ kinh doanh, đăng ký thay đổi thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh.

Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người ủy quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Nghị định này.

Trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân còn hiệu lực của người ủy quyền.”.

Điều 16. Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 103

“5. Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, khi có thay đổi thông tin đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Điều 100 Nghị định này, hộ kinh doanh phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh theo quy định.”.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 112

1. Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Nghị định này và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử. Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy.”.

2. Sửa đổi điểm a khoản 2 như sau:

“a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử có đầy đủ thông tin theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy;”.

3. Sửa đổi điểm d khoản 2 như sau:

“d) Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 93 Nghị định này được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử theo quy định.”.

4. Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 như sau:

“4. Trường hợp hồ sơ được tiếp nhận trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh sau giờ hành chính hoặc vào ngày nghỉ, ngày lễ, Tết theo quy định thì thời hạn trả kết quả giải quyết thủ tục đăng ký hộ kinh doanh quy định tại Nghị định này được tính từ ngày làm việc kế tiếp của ngày hồ sơ được tiếp nhận.”.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Điều 113

“Điều 113. Trình tự, thủ tục đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử”

1. Người nộp hồ sơ đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia bằng tài khoản định danh điện tử để truy cập Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh. Người nộp hồ sơ thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh như sau:

a) Trường hợp người nộp hồ sơ là người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hộ kinh doanh

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh. Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh và chỉ yêu cầu người nộp hồ sơ ký thì người nộp hồ sơ không phải thực hiện ký số và tải lên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh. Đối với các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh yêu cầu nhiều người ký và giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử;

b) Trường hợp người nộp hồ sơ là người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin và tải các giấy tờ trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định lên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh. Các giấy tờ này phải được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

2. Các thông tin đăng ký hộ kinh doanh trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và trả kết quả giải quyết hồ sơ cho hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị định này. Người nộp hồ sơ đăng nhập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

4. Hộ kinh doanh thực hiện thủ tục đăng ký qua mạng thông tin điện tử có thể dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại khoản 5 Điều 95 Nghị định này.”.

Điều 19. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, khoản

1. Thay thế cụm từ “bản dịch tiếng Việt công chứng” bằng cụm từ “bản dịch tiếng Việt được chứng thực chữ ký người dịch” tại khoản 2 Điều 10.

2. Thay thế cụm từ “các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này” bằng cụm từ “các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 8a Điều này” tại khoản 9 Điều 21.

3. Thay thế cụm từ “03 ngày làm việc” bằng cụm từ “02 ngày làm việc” tại khoản 6 Điều 31, khoản 5 Điều 56, khoản 4 Điều 66, các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 77, khoản 5 Điều 95, các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 115.

4. Thay thế cụm từ “Hệ thống thông tin đăng ký thuế” bằng cụm từ “Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế” tại khoản 2 Điều 53.

5. Thay thế cụm từ “nơi đặt địa điểm kinh doanh” bằng cụm từ “theo quy định pháp luật” tại khoản 2 Điều 87.

6. Bãi bỏ cụm từ “và danh sách người đại diện theo ủy quyền” tại khoản 3 Điều 54.

7. Bãi bỏ cụm từ “nơi đã nộp hồ sơ” tại khoản 5 Điều 95.

8. Bãi bỏ cụm từ "nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở" tại khoản 1 Điều 99.

9. Bãi bỏ Điều 37, khoản 2 Điều 52, Điều 111, khoản 3 Điều 124.

Điều 20. Xử lý hồ sơ tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành

1. Trường hợp hồ sơ đăng ký giải thể, thông báo tạm ngừng kinh doanh được tiếp nhận và chưa được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chấp thuận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì việc giải quyết thủ tục này thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, việc giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đã được tiếp nhận và chưa được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chấp thuận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

3. Việc giải quyết thủ tục đăng ký hộ kinh doanh đối với hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh đã được tiếp nhận và chưa được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp thuận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thực hiện theo quy định tại Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp

1. Quy định về tổng thời gian tạm ngừng kinh doanh liên tiếp không quá 24 tháng quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này được áp dụng đối với doanh nghiệp đã thông báo tạm ngừng kinh doanh trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành như sau:

a) Trường hợp tổng thời gian tạm ngừng kinh doanh liên tiếp đến thời điểm kết thúc thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã thông báo gần nhất chưa vượt quá 24 tháng thì doanh nghiệp được tiếp tục đăng ký tạm ngừng kinh doanh nhưng phải bảo đảm tổng thời gian tạm ngừng kinh doanh liên tiếp, bao gồm cả thời gian đã đăng ký trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, không được vượt quá 24 tháng;

b) Trường hợp tổng thời gian tạm ngừng kinh doanh liên tiếp đến thời điểm kết thúc thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã thông báo gần nhất đã vượt quá 24 tháng thì doanh nghiệp không được tiếp tục đăng ký tạm ngừng kinh doanh sau khi thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã thông báo gần nhất kết thúc.

2. Quy định về xác nhận tiếp tục kinh doanh trở lại khi kết thúc thời hạn tạm ngừng kinh doanh quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định này được áp dụng đối với doanh nghiệp thông báo tạm ngừng kinh doanh kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 7 năm 2026.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các đối tượng áp dụng của Nghị định chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Văn Thắng

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2).